

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2017/DS- ST
Ngày 28-12-2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Đức;
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1965; có mặt.
- Bị đơn: Chị Lê Nguyễn Băng T, sinh năm 1974; vắng mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn V, sinh năm 1974; vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp LT, xã Lh, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Lê Thị Mỹ H trình bày:

Chị Lê Thị Mỹ H và chị Lê Nguyễn Băng T có giao kết, thực hiện hợp đồng vay tài sản và góp hui.

Về tiền hui:

Chị T có tham gia hợp đồng góp hui 03 phần hui, gồm 02 dây do chị Lê Thị Mỹ H làm chủ, hui tháng, số tiền 2.000.000 đồng, hui hưởng hoa hồng, số tiền 800.000 đồng, danh sách hui ghi tên “T com”:

Dây 1: Kỳ mở hui ngày 15-8-2013 âm lịch, gồm 20 phần, 15 thành viên, chị T tham gia 01 phần, số thứ tự 01, kỳ mãn hui ngày 15-3-2015 âm lịch. Ngày 15-8-2013 âm lịch chị T kêu 480.000 đồng, chị T trúng hui số tiền 28.880.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 800.000 đồng, chị H giao cho chị T đủ số tiền 28.080.000 đồng. Chị T góp 09 lần hui hui chết, số tiền 18.000.000 đồng, còn thiếu 10 lần hui chết, số tiền 20.000.000 đồng.

Dây 2: Kỳ mở hui ngày 12-7-2013, gồm 20 phần, 19 thành viên, chị T tham gia 02 phần, số thứ tự 01, 02, kỳ mãn hui ngày 12-02-2015:

Phần 01: Ngày 12-7-2013, chị T kêu 480.000 đồng, chị T trúng hui số tiền 28.880.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 800.000 đồng, chị H giao cho chị T đủ số tiền 28.080.000 đồng. Chị T góp 11 lần hui chết, số tiền 22.000.000 đồng, còn thiếu 08 lần hui chết, số tiền 16.000.000 đồng.

Phần 02: Chị T góp 06 lần hui sống số tiền 8.715.000 đồng. Ngày 12-01-2014, chị T kêu 530.000 đồng, chị T trúng hui số tiền 31.110.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 800.000 đồng, chị H giao cho chị T đủ số tiền 30.310.000 đồng. Chị T góp 05 lần hui chết, số tiền 10.000.000 đồng, còn thiếu 08 lần hui chết, số tiền 16.000.000 đồng.

Chị T thiếu chị H tính theo hui sống là 34.470.000 đồng, tính theo hui chết là 52.000.000 đồng. Ngày 19-01-2015 âm lịch, chị T có viết giấy nợ tiền hui, chị T thừa nhận có thiếu chị H 52.000.000 đồng tiền hui chết.

Chị H đã góp đủ tiền hui chết thay cho chị T đến ngày mãn hui.

Về tiền vay: Tháng 11 năm 2014 Âm lịch, chị Lê Nguyễn Băng T có vay tiền của chị Lê Thị Mỹ H nhiều lần, không nhớ mỗi lần vay bao nhiêu tiền, tổng số tiền đã vay là 125.000.000 đồng nợ gốc, thỏa thuận tính lãi suất 2%/ tháng, hạn tháng 5 năm 2015 Âm lịch trả nợ gốc và lãi suất, khi giao nhận tiền vay không lập văn bản. Ngày 01-6-2016 Âm lịch, chị T có viết “Giấy Mượn Tiền Mượn”, chị T thừa nhận có thiếu chị Lê Thị Mỹ H số tiền 125.000.000 đồng nợ gốc, hạn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, bắt đầu trả ngày 02-6-2016 Âm lịch. Tháng 7 năm 2016 Âm lịch, chị T có trả cho chị H 1.800.000 đồng nợ gốc. còn thiếu lại 123.200.000 đồng nợ gốc, chưa trả tiền lãi suất.

Chị T sử dụng số tiền hui các phần hui và sử dụng tiền vay nêu trên để chi phí mua bán cơm bị thua lỗ và chị T chi phí cho sinh hoạt kinh tế gia đình của chị T, anh V.

Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị T và anh V trả cho chị H 125.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 52.000.000 đồng tiền nợ hui chết. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 1.800.000 đồng nợ gốc tiền vay, yêu cầu chị T, anh V trả 123.200.000 đồng nợ gốc tiền vay và 52.000.000 đồng tiền nợ hui chết, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Lê Nguyễn Băng T trình bày: Đồng ý với lời trình bày của chị H về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui giữa chị T và chị H. Hiện nay chị T còn thiếu chị H 123.200.000 đồng nợ gốc tiền vay và 52.000.000 đồng tiền hui chết.

Chị T đồng ý cùng anh V trả cho chị H 123.200.000 đồng nợ gốc tiền vay và 52.000.000 đồng tiền hui chết, không trả tiền lãi suất. Trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Từ khi thụ lý, Tòa án tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn V không tham gia tố tụng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hui của chị Lê Thị Mỹ H đối với chị Lê Nguyễn Băng T, anh Trần Văn V.

Buộc chị Lê Nguyễn Băng T, anh Trần Văn V có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Mỹ H số tiền 175.200.000 đồng.

Ghi nhận chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu tính lãi suất.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ H về số tiền nợ vay 1.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Nguyễn Băng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn V vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh V.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị Mỹ H khởi kiện chị Lê Nguyễn Băng T và anh Trần Văn V yêu cầu trả 52.000.000 đồng nợ gốc tiền vay, và 125.000.000 đồng tiền nợ hui chết. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T trả cho chị H 1.800.000 đồng. Nay

chị H yêu cầu chị T, anh V trả 123.200.000 đồng nợ gốc tiền vay và 52.000.000 đồng tiền hui chết.

Chị Lê Thị Mỹ H có chứng cứ chứng minh là 02 giấy nhận nợ gồm: Giấy nợ tiền hui ngày 19-01-2015 số tiền 52.000.000 đồng và giấy nợ tiền vay ngày 01-6-2016 số tiền 125.000.000 đồng.

Chị Lê Nguyễn Bằng T thừa nhận có tham gia hợp đồng góp hui 03 phần hui gồm 02 dây hui do chị Lê Thị Mỹ H làm chủ, đã hốt hui và không góp đủ tiền hui chết cho chị H, có vay tiền của chị H chưa trả. Tổng cộng còn nợ 175.200.000 đồng.

Chị T sử dụng số tiền hốt hui và sử dụng tiền vay nêu trên để chi phí mua bán com, chi phí cho sinh hoạt kinh tế gia đình của chị T và anh V. Do làm ăn thua lỗ nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vợ chồng chị T, anh V phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị H.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H. Buộc chị T và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 175.200.000 đồng.

Ghi nhận chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu tính lãi suất.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ H về số tiền nợ vay 1.800.000 đồng.

Xét yêu cầu của chị T trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng thấy rằng: Tại Thông tư số 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, Bộ tài chính quy định: “Từ nay trở đi, Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Vì vậy yêu cầu của chị T không có cơ sở để xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hui giữa nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H đối với bị đơn chị Lê Nguyễn Bằng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn V.

2. Buộc chị Lê Nguyễn Bằng T và anh Trần Văn V có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Mỹ H số tiền 175.200.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng.

Ghi nhận chị Lê Thị Mỹ H không yêu cầu tính lãi suất.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ H về số tiền nợ vay 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Nguyễn Băng T và anh Trần Văn V phải chịu 8.760.000 (tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Lê Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Lê Thị Mỹ H 4.425.000 (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009320 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND. TTN;
- VKSND. HTB;
- Chi cục THADS. HTB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nghện